

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 21- 9-2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương**

Bà **Đặng Thị Bích Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Trịnh Văn Dương**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Danh Thị Kim T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp H1, xã Th, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp H1, xã Th, huyện H, tỉnh Kiên Giang

- Người kháng cáo: Bị đơn anh **Nguyễn Văn G**.

(Chị T, anh G đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Danh Thị Kim T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh G tự tìm hiểu thương yêu và chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau phát sinh mâu thuẫn do anh G không quan tâm chăm sóc gia đình, mọi việc trong gia đình đều phó mặc cho chị; nên năm 2015 chị đã nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn. Sau đó, được Tòa án động viên hòa giải thì anh G có hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện. Sau khi về, vợ chồng tiếp tục chung sống thì anh G vẫn không thay đổi. Mặc dù chị đã cố gắng khuyên bảo nhiều lần để vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng nhau, lo cho các con nhưng anh G vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Từ cuối năm 2017, anh G đã bỏ nhà ra ngoài sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên T1, sinh ngày 19/12/2005 và P, sinh ngày 23/7/2012. Hiện nay chị đang chăm sóc nuôi dưỡng 02 con nên chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự tìm hiểu đi đến hôn nhân có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 2006. Quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Trước đây chị T đã nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án hòa giải nên vợ chồng đoàn tụ. Nhưng sau đó vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống nên từ cuối năm 2017 anh đã dọn ra ngoài ở và ly thân với chị T cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên T1, sinh ngày 19/12/2005 và P, sinh ngày 23/7/2012. Anh đồng ý giao 02 con cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị Kim T với anh Nguyễn Văn G là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị T và anh G như sau: Giao 02 con chung là cháu T1, sinh ngày 19/12/2004 và cháu P, sinh năm: 23/7/2012 cho chị Danh Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Trong thời gian chị T chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung thì phía anh G được quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ nợ chung: Không xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2018, anh Nguyễn Văn G có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý ly hôn với chị Danh Thị Kim T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Danh Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với nội dung án sơ thẩm đã tuyên.

Anh Nguyễn Văn G vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên có ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T anh G không có sự hòa hợp để chia sẻ, quan tâm chăm sóc lẫn nhau mà thương xuyên cãi vã, luôn bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, anh G và chị T chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định theo pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa sơ thẩm không công nhận chị Danh Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308- Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn G; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST, ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn G nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị T xác định chị và anh G chung sống năm 2004, còn anh G trình bày thì vào năm 2006. Anh G, chị T thừa nhận hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Chị T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, được sự đồng ý hòa giải của Thẩm phán nên anh chị tiếp tục về sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đó một thời gian chung sống, hai vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, nên chị T nộp đơn xin ly hôn đối với anh G.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh G và chị T chung sống như vợ chồng, có 02 con chung (sinh năm 2004 và năm 2012) nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, khi chị T có yêu cầu ly hôn Tòa án cấp sơ thẩm đã xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G là quan hệ vợ chồng là đúng quy định pháp luật.

Anh G kháng cáo không đồng ý ly hôn và yêu cầu chị T trả lại cho anh các giấy tờ gồm sổ hộ khẩu, sổ bảo hiểm xã hội tên của anh G.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định không giữ các giấy tờ nêu trên của anh G; về phía anh G cũng không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh chị T đang giữ các giấy tờ nêu trên của anh.

Hội đồng xét xử xét nhận thấy, những yêu cầu của anh G nài ra trong đơn kháng cáo không có căn cứ, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn G; giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số: 23/2018/HNGĐ-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

[3] Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Danh Thị Kim T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị

T đã nộp theo biên lai thu số: 0000696, ngày 01/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn G không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh G đã nộp theo biên lai thu số: 0003524, ngày 29/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 83, 131 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 147, 148 – Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn G.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2018/HNGĐ-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị Kim T với anh Nguyễn Văn G là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Danh Thị Kim T và anh Nguyễn Văn G: Giao 02 con chung là cháu T1, sinh ngày 19/12/2004 và cháu P, sinh năm: 23/7/2012 cho chị Danh Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Danh Thị Kim T không yêu cầu, không xét.

Anh Nguyễn Văn G được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xét.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Danh Thị Kim T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị

T đã nộp theo biên lai thu số: 0000696, ngày 01/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn G phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh G đã nộp theo biên lai thu số: 0003524, ngày 29/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Chi Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Hoàng Thị Thu Hương